

Số: **59** /KL-TTTP

Hải Phòng, ngày **27** tháng 11 năm 2025

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản
đối với Công ty Xi măng Chinfon

Thực hiện Quyết định số 694/QĐ-TTTP ngày 29/8/2025 của Chánh Thanh tra Thành phố về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty Xi măng Chinfon.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTTr ngày 31/10/2025 của Trưởng Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của tổ chức là đối tượng thanh tra, báo cáo thẩm định số 01/BC-TTĐ ngày 25/11/2025 của Tổ thẩm định dự thảo kết luận thanh tra, Chánh Thanh tra thành phố kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Pháp nhân

- Công ty Xi măng Chinfon (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 490/GP ngày 24/12/1992 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0200110200 (*thay đổi lần thứ 16 ngày 04/8/2025 do Sở Tài chính thành phố Hải Phòng cấp*); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7636888570 chứng nhận lần đầu ngày 24/12/1992.

+ Thời gian đi vào hoạt động: năm 1993.

+ Ngành nghề hoạt động: Sản xuất xi măng, sản xuất bê tông.

+ Người đại diện theo pháp luật: ông Lo Lung - Too, Tổng Giám đốc.

Tại thời điểm thanh tra, Công ty đang quản lý và sử dụng 01 khu Nhà máy sản xuất xi măng và 04 khu mỏ khoáng sản, cụ thể: (1) Khu vực nhà máy, cầu cảng; (2) Mỏ đá vôi Trảng Kênh; (3) Mỏ đá vôi Chín Đền; (4) Mỏ đá vôi Thần Vi; (5) Mỏ đá sét Núi Trăn & Hang Vua (Suối Bà).

2. Phạm vi, giới hạn thanh tra

Phạm vi: Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về khoáng sản; chỉ đánh giá trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Công ty, các sở, ngành và chính quyền địa phương cung cấp. Trong quá trình tiến hành thanh tra, không thực hiện đo đạc trữ lượng khoáng sản; đối tượng thanh tra và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu cung cấp.

Ngoài ra, để đảm bảo nguyên tắc không chồng chéo hoạt động thanh tra, Đoàn Thanh tra không thanh tra đối với các nội dung, đối tượng mà các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thanh tra, kiểm tra; kế thừa các nội dung đánh giá,

nhận xét và số liệu tổng hợp của các đoàn thanh tra, kiểm tra để bổ sung vào kết quả thanh tra. Theo đó, niên độ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2024, có 03 cuộc kiểm tra, cụ thể:

(1) Quyết định số 2348/QĐ-BCT ngày 07/9/2023 của Bộ Công Thương kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp; (2) Quyết định số 363/QĐ-KSONMT ngày 12/6/2024 của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường về việc kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng; (3) Quyết định số 450/QĐ-STNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại 06 cơ sở trên địa bàn huyện Thủy Nguyên và huyện An Dương.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai

1.1. Khu vực nhà máy

Tại thời điểm thanh tra, Công ty đang quản lý khu vực nhà máy với tổng diện tích 854.283,4 m². Cụ thể:

* Khu vực Văn phòng và Nhà máy (diện tích 850.000m²):

Được cho thuê đất theo các Quyết định:

- Quyết định số 301/TTg ngày 21/6/1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi và giao 847.000 m² đất cho Xí nghiệp đá Minh Đức để liên doanh với nước ngoài xây dựng nhà máy sản xuất xi măng tại Trảng Kênh, Hải Phòng.

- Ủy ban nhân dân thành phố có các Quyết định: (1) số 1439-QĐ/UB ngày 18/8/1995 về việc giao mốc chỉ giới sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên; (2) Số 1224/QĐ-UBND ngày 17/7/1999 về việc giao 5.791 m² đất tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên bổ sung theo Quyết định số 301/TTg ngày 21/6/1993 của Thủ tướng Chính phủ để Công ty thực hiện dự án mở rộng cảng xuất xi măng; (3) Số 3552/QĐ-UBND ngày 12/12/2001 về việc thu hồi 1.200,23 m² đất của Công ty Chinfon giao cho Công ty Xi măng Hải Phòng để đầu tư xây dựng tuyến đường sử dụng chung; (4) Số 1468/QĐ-UBND ngày 25/6/2002 về việc giao bổ sung 4.200,23 m² đất tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên để tham gia góp vốn pháp định theo Giấy phép đầu tư số 490/GP ngày 24/12/1992 của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư với mục đích xây dựng bãi đỗ xe, quay xe và trồng cây xanh.

Đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07040 cấp ngày 30/5/2017 với tổng diện tích 850.000 m²

* Khu vực cầu cảng (diện tích 6.944,4 m²):

Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 12/6/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho Công ty Xi măng Chinfon Hải Phòng thuê 6.944,4 m² đất tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên để thực hiện dự án xây dựng mở rộng cầu cảng nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất dây chuyền II; Sở Tài nguyên và Môi trường đã ký Hợp đồng số 67/HĐ-TĐ ngày 06/6/2013 (thay thế hợp đồng 113/HĐ ngày 08/11/2007) và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00460 ngày 08/11/2007.

Tuy nhiên, ngày 08/12/2021, Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên có Quyết định số 9694/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án mở rộng đường Minh Đức, diện tích thu hồi là 2.661m² (trong tổng diện tích 850.000 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07040).

1.2. Mỏ đá vôi Trảng Kênh

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 925/GP-BTNMT ngày 22/4/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty được phép khai thác trên diện tích 1.538.800m² (153,88 ha).

Được Ủy ban nhân dân thành phố cho thuê đất tại 03 Quyết định, cụ thể:

(1) Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 về việc cho phép Công ty thuê 475.313 m² đất tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên để thực hiện dự án đầu tư khai thác đá vôi làm vật liệu sản xuất xi măng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CK 926997 ngày 04/9/2018, mục đích sử dụng đất: Khai thác đá vôi làm vật liệu sản xuất xi măng, thời hạn sử dụng đất: 23 năm (kể từ ngày 31/12/2008);

(2) Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 về việc cho phép Công ty gia hạn sử dụng đối với 610.215,2 m² (thuê theo Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 26/11/2007); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CQ 604943 ngày 03/5/2019, mục đích sử dụng đất: khai thác đá sản xuất xi măng, thời hạn sử dụng đất: đến ngày 22/4/2040;

(3) Quyết định số 4551/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc cho phép Công ty thuê 472.498,2 m² đất thuộc huyện Thủy Nguyên (trong đó: tại xã Gia Đức 85.468,8 m², thị trấn Minh Đức 387.029,4m²) để sử dụng đất cho hoạt động khoáng sản (khai thác đá vôi sản xuất xi măng); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số DO 820991 ngày 25/4/2024, mục đích sử dụng đất: Khai thác đá vôi sản xuất xi măng, thời hạn sử dụng đất: đến ngày 22/4/2040.

Diện tích đất Công ty được thuê theo các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng là: 1.558.026,4m² nhiều hơn so với diện tích đất theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 925/GP-BTNMT ngày 22/4/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường là: 19.226,4m² do tại Quyết định số 3409/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Công ty được giao thêm phần đất để thực hiện xây dựng các công trình phụ trợ như Văn phòng làm việc, kho chứa chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại...

Phần đất thuê trên vẫn nằm trong phần đất được thể hiện trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5478186668, chứng nhận lần đầu ngày 04/6/2015, điều chỉnh lần thứ hai ngày 29/10/2024, đang được Công ty quản lý, sử dụng đúng mục đích.

1.3. Mỏ đá vôi Chín Đèn

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1885/GP-BTNMT ngày 26/9/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty được phép khai thác trên diện tích 230.000 m² (23 ha).

Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 12/9/2011 về việc thu hồi đất, cho phép Công ty thuê 229.647,7 m² đất tại thị trấn



Minh Đức, huyện Thủy Nguyên để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi núi Chín Đèn lộ thiên làm nguyên liệu sản xuất xi măng. Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 538506 ngày 26/12/2011; mục đích sử dụng: khai thác mỏ đá vôi núi Chín Đèn làm nguyên liệu sản xuất xi măng, thời hạn sử dụng: từ ngày 12/9/2011 đến ngày 26/9/2038.

1.4. Mỏ đá vôi Thần Vi

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2117/GP-BTNMT ngày 05/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty được phép khai thác trên diện tích khu vực khai thác là 274.000 m² (27,4 ha).

Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 về việc cho phép Công ty thuê đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi, cung cấp nguyên liệu sản xuất xi măng tại xã Minh Tân và thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên; Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số CH 866687 ngày 09/10/2017; tổng diện tích: 547.086,9 m² (trong đó: diện tích khai thác: 274.245 m²; diện tích phụ trợ: 129.244,2 m²; diện tích hành lang an toàn nổ mìn: 143.597,7 m²); mục đích sử dụng đất: khai thác mỏ đá vôi cung cấp nguyên liệu sản xuất xi măng; thời hạn sử dụng đất: 05/12/2034.

1.5. Mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 926/GP-BTNMT do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/4/2016 (được điều chỉnh bởi Quyết định số 274/QĐ-BTNMT ngày 10/02/2022), Công ty được phép khai thác trên diện tích 739.600 m² (73,96 ha). Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đang quản lý 542.362,5 m² theo các quyết định:

- *Khu Triệu Cao*: Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 17/02/2014 của UBND thành phố Hải Phòng cho phép thuê 176.178,9 m² đất tại xã Minh Tân và thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng; đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 367159 ngày 19/8/2014.

- *Khu Đồng Hang, Đá Năn*: số 2329/QĐ-UBND ngày 26/11/2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc cho Công ty Xi măng Chínfon thuê đất tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên; số 1050/QĐ-UBND ngày 13/6/2013, số 2477/QĐ-UBND ngày 25/9/2017; số 3822/QĐ-UBND ngày 15/11/2023 cho phép Công ty gia hạn sử dụng đất đối với diện tích 139.549,6 m² đất tại xã Minh Tân và thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên; Được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 423995 ngày 31/12/2013 (đã được gia hạn sử dụng đất đến ngày 04/4/2031).

- Diện tích còn lại chưa được cho thuê đất đến thời điểm thanh tra là 197.237,50 m² (19,723 ha). Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5477047646 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 04/6/2015, thay đổi lần thứ nhất ngày 14/10/2021 thì thời hạn thực hiện dự án là 15 năm 10 tháng (kể từ ngày 04/6/2015)

Hiện nay, Công ty đã phối hợp với UBND phường Bạch Đằng quản lý đối với phần diện tích khoáng sản chưa khai thác theo quy định tại Điều 7 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024 và đang hoàn thiện hồ sơ thuê 19,723 ha đất để chuẩn bị nguồn nguyên liệu cho hoạt động sản xuất.

Nhận xét, đánh giá: Tại thời điểm kiểm tra, Công ty đang quản lý, sử dụng 05 khu đất (*Khu vực nhà máy và 04 khu mở khai thác*). Các khu vực đều đã có Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, được Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công ty đang quản lý và sử dụng đất đúng mục đích, không có tranh chấp, lấn chiếm với các khu vực lân cận, diện tích khai thác của các mỏ phù hợp theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 55 Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 152 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với diện tích 2.661 m² đất (trong tổng diện tích 850.000m² đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT07040 ngày 30/5/2017), sau khi UBND huyện Thủy Nguyên thu hồi để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án mở rộng đường Minh Đức, Công ty chưa thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 (nay là Điều 133 Luật Đất đai năm 2024).

2.1. Về hồ sơ

2.1.1. Khu vực nhà máy, cầu cảng

- Đối với khu nhà máy: Ngày 10/3/2008, Công ty được UBND thành phố Hải Phòng phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường¹; Ngày 30/12/2012, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường² cho dự án đầu tư xây dựng mở rộng cầu cảng xuất xi măng 2.000DWT; Công ty đã được UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt³ và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 499/2020/GP-UBND do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 20/12/2020 theo quy định; ngày 19/7/2023, Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường⁴ và Giấy phép môi trường⁵ cho Dự án Nhà máy xi măng Chinfon (nâng công suất sản xuất xi măng từ 3.696.000 tấn xi măng/năm lên 4.200.000 tấn xi măng/năm).

- Đối với khu vực cầu cảng: Ngày 02/5/2007, UBND huyện Thủy Nguyên cấp Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường số 13/XN-UBND cho

5 Giấy phép môi trường số 323/GPMT-BTNMT ngày 21/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

dự án đầu tư xây dựng mở rộng cảng nhập nguyên liệu của Công ty tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên. Ngày 18/6/2018, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 28/GXN-STNMT cho dự án mở rộng cảng nhập nguyên liệu của Công ty.

2.1.2. Các mỏ khai thác khoáng sản

- Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường đối với mỏ đá vôi Tràng Kênh⁶ và Mỏ đá vôi Thần Vi⁷;

- Đối với mỏ đá vôi Chín Đền và Mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua đã được UBND thành phố phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường⁸ và được Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) cấp Giấy xác nhận đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường⁹. Đối với 02 mỏ này, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được tiếp tục được sử dụng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành (01/01/2027).

2.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường

2.2.1. Về nước thải

- *Khu vực nhà máy, cầu cảng*: chủ yếu là nước thải sinh hoạt; khối lượng phát sinh năm 2023 là 26.839m³; năm 2024 là 25.988m³, được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý nước thải với công suất 100 m³/ngày đêm sau đó thải ra sông Bạch Đằng, sông Thái; nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình làm mát được xử lý tuần hoàn, phun vào tháp và tái sử dụng; nước mưa tràn mặt được thu gom xuống hệ thống mương thoát nước hở bằng bê tông, cốt thép bố trí xung quanh công ty, có bố trí các ga lắng, có ga chắn rác sau đó chảy ra sông Thái và sông Bạch Đằng.

- *Nước thải sinh hoạt tại các mỏ*: được thu gom, xử lý qua hệ thống công nghệ MET qua hồ lắng (mỏ đá vôi Tràng Kênh); thu gom và xử lý bằng phương pháp vi sinh thông qua hệ thống bể phốt trước khi chảy ra hồ lắng trung tâm sau đó chảy vào sông Thái (mỏ đá vôi Chín Đền và mỏ đá vôi Thần Vi); đối với mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà), nước thải được xử lý qua bể tự hoại cải tiến với ngăn lọc kỵ khí 5 vách (*bastaf*). Nước thải sau xử lý được đưa vào hồ lắng số 2 tiếp tục xử lý sinh học trước khi thải ra mương thủy lợi thị trấn Minh Đức (nay là phường Bạch Đằng).

2.2.2. Về khí thải

- *Đối với khu vực nhà máy, cầu cảng*: Công ty có phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất. Bụi phát sinh từ các quá trình vận chuyển nguyên nhiên liệu, nghiền nguyên liệu sống, nung clinker, nghiền xi măng và đóng gói; khí thải phát

6 Giấy phép môi trường số 127/GPMT-BTNMT ngày 25/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

7 Giấy phép môi trường số 184/GP-BNNMT ngày 11/6/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

8 Quyết định số 2585/QĐ-UB ngày 09/11/2005 của UBND thành phố về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) mỏ đá vôi Chín Đền; Quyết định số 903/QĐ-UB ngày 14/6/2012 của UBND thành phố về việc phê duyệt Dự án cải tạo, phục hồi môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Chín Đền; Quyết định số 2416/QĐ-UBND ngày 01/12/2009 của UBND thành phố về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét núi Triệu Cao và Suối Bà; Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 17/9/2012 của UBND thành phố về phê duyệt phương án cải tạo phục hồi môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét

9 Giấy xác nhận số 46/GXN-STN&MT ngày 15/11/2012 của Sở Tài nguyên và Môi trường đối với mỏ Chín Đền; Giấy xác nhận đã hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 25/GXN-STNMT ngày 15/11/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường của hạng mục đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ sét tại núi Triệu Cao

sinh từ quá trình nung clinker bao gồm CO, NO_x, SO₂. Công ty đã lắp đặt túi lọc, lọc bụi tại tất cả các vị trí phát sinh bụi; lắp đặt 01 hệ thống khử NO_x. Bụi, khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 23:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng.

Công ty đã lắp đặt 04 hệ thống lọc bụi tĩnh điện; 204 hệ thống lọc bụi túi vải; 01 hệ thống khử NO_x (SNCR); 01 hệ thống tận dụng nhiệt khí thải từ lò nung clinker để phát điện công suất 12,85MW (trạm nhiệt dư). Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- *Đối với các mỏ khai thác:*

+ *Đối với các mỏ khai thác đá vôi¹⁰:* Công ty nổ mìn theo phương pháp nổ vi sai; sử dụng hệ thống phun nước dập bụi của hệ thống nghiền và trang bị rèm che chắn bụi. Công ty sử dụng xe phun nước, tưới đường để giảm thiểu bụi trong quá trình khoan nổ mìn, san gạt, xúc bốc; trồng cây xanh dọc đường vận chuyển vật liệu và xung quanh hồ lắng.

+ *Đối với mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà):* Công ty sử dụng xe phun nước, tưới đường để giảm thiểu bụi trong quá trình san gạt, xúc bốc. Trồng cây xanh dọc đường vận chuyển vật liệu và xung quanh hồ lắng.

2.2.3. Về chất thải

Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, công nghiệp, chất thải nguy hại tại khu vực nhà máy và các mỏ, Công ty đã thu gom, phân loại, bố trí nơi lưu giữ, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định, cụ thể:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ yếu là chất thải văn phòng, các vỏ chai, nhóm thức ăn thừa, rau củ, quả, ni lông; khối lượng phát sinh năm 2023 là 68,72 tấn, năm 2024 là 56,77 tấn; Công ty đã thu gom và ký hợp đồng số CFC-22-080 ngày 10/02/2022 với Công ty Cổ phần TM&DV kho vận Phú Hưng và phụ lục hợp đồng thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* bao gồm bông bảo ôn, túi lọc bụi thải, bạt máng khí động thải, vỏ bao bì cát tông, gỗ thải. Khối lượng phát sinh năm 2023 là 50,12 tấn; năm 2024 là 86,32 tấn; Công ty đã thu gom, phân loại, bố trí khu vực lưu giữ; Công ty đã ký Hợp đồng số CFC-23-159 ngày 01/7/2023 với Công ty TNHH Tân Thuận Phong và Hợp đồng số CFC-22-080 ngày 10/02/2022 với Công ty Cổ phần TM&DV kho vận Phú Hưng để thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt và các chất thải thông thường theo quy định.

- *Chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại có 18 mã gồm giẻ lau dính dầu mỡ, dầu thải, ắc quy, bao bì kim loại, bộ lọc dầu, hộp mực in, bóng đèn huỳnh quang, bao bì nhựa, hóa chất và hỗn hợp hóa chất từ phòng thí nghiệm thải, các loại chất thải khác có thành phần nguy hại... Khối lượng phát sinh năm 2023 là 90,905 tấn; năm 2024 là 75,6 tấn. Công ty đã bố trí khu vực lưu giữ, có mái che, có biển cảnh báo; Công ty đã ký Hợp đồng số CFC-23-159 ngày 01/7/2023 với Công ty TNHH

¹⁰ Mỏ đá vôi Trảng Kênh, mỏ đá vôi Chín Dền, mỏ đá vôi Thần Vi

Tân Thuận Phong, Hợp đồng số CFC-22-065 ngày 01/01/2022 với Công ty Cổ phần TM&DV kho vận Phú Hưng để thu gom, xử lý theo quy định.

Qua kiểm tra cho thấy, Công ty đã ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định (các đơn vị trên đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép xử lý chất thải: Công ty TNHH Tân Thuận Phong đã cấp Giấy phép môi trường số 191/GPMT-BTNMT ngày 15/6/2023; Công Cổ phần TM&DV kho vận Phú Hưng được cấp Giấy phép môi trường số 73/GPMT-BTNMT ngày 24/3/2023).

2.2.4. Về tiếng ồn

- *Khu vực nhà máy*: tiếng ồn và rung động phát sinh chủ yếu trong quá trình sản xuất xi măng. Công ty đã xây dựng các công trình giảm thiểu tiếng ồn, độ rung như: sử dụng bê tông mác cao, tăng chiều sâu móng, đào rãnh đổ cát khô để tránh rung theo mặt nền; lắp đặt hệ thống giảm âm tại các hệ thống máy nghiền, đệm cao su và lò so chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; xây dựng tường chống ồn dài 204m, cao 20m bằng tôn xộp hai lớp; trồng cây xanh trong Công ty đảm bảo để hạn chế sự lan truyền tiếng ồn, độ rung.

- *Đối với các mỏ khai thác*: tiếng ồn chủ yếu phát sinh trong quá trình khoan, nổ mìn, máy xúc, ô tô vận chuyển. Công ty áp dụng phương pháp nổ vi sai, khối lượng, thời gian nổ mìn tuân thủ theo đúng Giấy phép, không tiến hành khai thác trước 6h sáng và 21h tối, các thiết bị có phát sinh độ rung được kê đệm chân máy, máy thi công, phương tiện vận chuyển có kính chắn; trồng cây xanh xung quanh hồ lắng và dọc hai bên tuyến đường vận chuyển.

2.2.5. Việc xây dựng các công trình bảo vệ môi trường

Qua kiểm tra thực tế cho thấy:

- *Tại khu vực nhà máy*: Công ty đã xây hệ thống kho lưu trữ chất thải gồm: 10 kho lưu trữ chất thải nguy hại có mái che kín nắng, mưa, có trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định; có thùng phi chứa cát khô và xẻng; có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa; 01 kho lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt và 06 kho chất thải rắn thông thường, diện tích mỗi kho là 25m². Bên ngoài kho có các biển và gắn nhãn tại từng vị trí lưu giữ chất thải. Tại các nhà xưởng, khu vực Văn phòng có bố trí các thùng chứa có nắp đậy dung tích từ 70l, 120l và 240l cho từng loại chất thải. Đối với chất thải sinh hoạt đã bố trí thùng đựng chất thải sinh hoạt dạng hữu cơ.

- *Tại mỏ đá vôi Trảng Kênh*: Công ty đã xây dựng 02 kho chứa chất thải nguy hại (diện tích kho chứa dầu thải, thùng chứa dầu thải khoảng 54m²; kho chứa chất thải nguy hại khoảng 18 m²), có mái che, có trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy; có thùng phi chứa cát khô và xẻng; có gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa; 01 kho chứa chất thải công nghiệp thông thường có mái che, có trang bị dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định... Công ty đã xây dựng 05 hồ lắng và 05 cửa xả tràn, các tuyến mương thu nước về hồ lắng có chiều dài khoảng 1.000m.

- *Tại mỏ đá vôi Chín Đèn*: Công ty đã xây dựng 01 hồ lắng; đang tiến hành

san gạt mặt bằng và đổ đất để trồng cây xanh theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt trên phần diện tích mặt bằng khai thác đến cao độ +3 m cho phép (khoảng 5 ha đến cao độ).

- *Tại mỏ đá vôi Thần Vi*: Công ty xây dựng 03 hồ lắng thu gom, xử lý nước mưa tràn mặt. Tại khu mỏ có 01 nhà điều hành, 01 kho chứa tạm chất thải nguy hại, trước khi chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Tại mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua*: Công ty đã xây dựng 03 hồ lắng tại khu vực khai trường, 01 hệ thống cống thu nước tự chảy vào 03 hồ lắng để thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn.

2.2.6. Về quan trắc môi trường

- Đối với khu vực nhà máy: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư công nghệ và Môi trường CEC (năm 2023), Công ty Cổ phần Công nghệ và kỹ thuật Hatico Việt Nam (năm 2024) thực hiện quan trắc môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy phép môi trường; Công ty thực hiện quan trắc với tần suất 04 lần/năm đối với nước thải, khí thải, bụi và tiếng ồn.

Theo báo cáo Kết quả quan trắc định kỳ¹¹, các chỉ số quan trắc về nước thải nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 40:2011/BTNMT; khí thải, bụi nằm trong giới hạn tại các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; tiếng ồn đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT. Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Đối với các khu vực mỏ: Theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải, khí thải theo Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Tuy nhiên, Công ty vẫn thực hiện quan trắc môi trường để chủ động theo dõi và giám sát môi trường khu vực. Kết quả quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép.

2.2.7. Thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường

- Ngày 20/01/2014, Ủy ban nhân dân thành phố có Quyết định số 254/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Công ty Xi măng Chinfon tại thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên (nay là phường Bạch Đằng, thành phố Hải Phòng).

- Công ty đã xây dựng kế hoạch, biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, sự cố môi trường trong hoạt động sản xuất và thực hiện kế hoạch diễn tập phương án ứng phó sự cố tràn dầu, đồ hóa chất (Kế hoạch số 01/KH-CFC-G6 ngày 19/6/2025; báo cáo kết quả tập huấn diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu năm 2025).

- Công ty đã xây dựng phương án chuẩn bị và ứng phó tình huống hệ thống xử lý nước thải, khí thải khi gặp sự cố môi trường, tuyên truyền hướng dẫn các

¹¹ Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt I năm 2023 (tháng 3/2023); Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt II năm 2023 (tháng 6/2023); Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt III năm 2023 (tháng 9/2023); Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt IV năm 2023 (tháng 11/2023); Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt I năm 2024 (tháng 3/2024); Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt II năm 2024 (tháng 6/2024); Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt III năm 2024 (tháng 9/2024); Báo cáo quan trắc chất lượng môi trường đợt IV năm 2024 (tháng 11/2024); Báo cáo kết quả quan trắc môi trường đợt II năm 2025 (tháng 6/2025)

cán bộ công nhân của Công ty thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường, bảo dưỡng máy móc thiết bị đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động sản xuất.

- Công ty đã có báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu năm 2023, 2024 gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (Báo cáo số 324/2023/BC-G61 ngày 12/9/2023; số 572/BC-CFC-G6 ngày 28/11/2024), Công ty đã xây dựng Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất, xây dựng kịch bản thực tập ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất năm 2023, năm 2024.

Công ty đã phối hợp với Trung tâm Ứng phó sự cố môi trường Việt Nam, Chi cục Biển và Hải đảo (Sở Tài nguyên và Môi trường) tổ chức thực tập ứng phó sự cố tràn dầu¹² kỳ 2 năm 2024 vào ngày 17/12/2024; tổ chức diễn tập ứng phó sự cố tràn đổ hoá chất¹³ năm 2024 vào ngày 27/6/2024.

Nhận xét, đánh giá: Trên cơ sở hồ sơ Công ty cung cấp, kết quả kiểm tra thực tế tại khu vực nhà máy, các mỏ khoáng sản cho thấy: Công ty đã có hồ sơ môi trường cho 05 khu vực Công ty đang quản lý, Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường như: hệ thống xử lý nước thải, kho lưu giữ chất thải và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định; đã thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đúng tần suất, vị trí; các thông số về nước thải, khí thải nằm trong giới hạn cho phép; đã lắp đặt hệ thống quan trắc tự động và truyền dữ liệu về Sở Nông nghiệp và Môi trường... Công ty đã chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khoáng sản theo Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản khác có liên quan.

3. Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động khai thác khoáng sản

3.1. Về Giấy phép và kết quả khai thác khoáng sản

3.1.1. Mỏ đá vôi Trảng Kênh

Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 925/GP-BTNMT ngày 22/4/2016; diện tích khu vực khai thác 1.538.800 m² (153,88 ha); trữ lượng địa chất: đá vôi 59.984.826 tấn, khoáng sản đi kèm 3.964.832 tấn; trữ lượng khai thác: đá vôi: 59.975.000 tấn; khoáng sản đi kèm 3.775.320 tấn; thời hạn khai thác: 24 năm kể từ ngày ký Giấy phép khai thác; công suất khai thác: từ năm thứ 1 đến năm thứ 5: 3.045.000 tấn/năm, từ năm thứ 6 đến năm thứ 22: 2.198.000 tấn/năm, năm thứ 23: 3.545.000 tấn/năm, năm thứ 24: 3.839.000 tấn/năm; công suất khai thác khoáng sản đi kèm (đá vôi dolomit): 157.305 tấn/năm;

Ngày 21/11/2022, Bộ Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 3199/QĐ-BTNMT về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản 925/GP-BTNMT, các nội dung điều chỉnh, cụ thể:

Trữ lượng địa chất: Khoáng sản đi kèm (đá vôi dolomit): 3.964.832 tấn *điều chỉnh thành* 10.204.832 tấn (trong đó trữ lượng bổ sung: 6.240.000 tấn); trữ lượng

¹² Biên bản họp rút kinh nghiệm thực tập phương án ứng phó sự cố tràn dầu kỳ 2 năm 2024

¹³ Biên bản họp rút kinh nghiệm ứng cứu sự cố tràn đổ hoá chất ngày 27/6/2024

khai thác: khoáng sản đi kèm (đá vôi dolomit): 3.775.320 tấn *điều chỉnh thành* 10.015.320 tấn (trong đó trừ lượng bổ sung: 6.240.000 tấn); công suất khai thác: đá vôi dolomit: 157.305 tấn/năm, *điều chỉnh thành* 504.305 tấn/năm".

Theo báo cáo của Công ty và tài liệu thu thập được trong niên độ thanh tra công suất khai thác 2.198.000 tấn/năm (theo Giấy phép khai thác số 925/GP-BTNMT ngày 22/4/2016). Giai đoạn 2023-2024, Công ty đã khai thác được 4.006.005 tấn đá vôi (*bằng 91,12% công suất được phép khai thác*) và 612.417 tấn đá vôi dolomit (*bằng 60,71% công suất được phép khai thác*).

3.1.2. Mỏ đá vôi Chín Đèn

Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1885/GP-BTNMT ngày 26/9/2008; khu vực cấp phép: mỏ Chín Đèn, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; loại khoáng sản: đá vôi làm nguyên liệu xi măng; phương pháp khai thác: lộ thiên; cốt cao khai thác: +3 m; diện tích khai thác 230.000 m² (23 ha); trữ lượng được phép khai thác: Đá vôi nguyên liệu xi măng 13.206.600 tấn; thời hạn khai thác: 30 năm kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian khai thác là 29 năm, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 năm; công suất khai thác: 455.400 tấn/năm.

Theo báo cáo của Công ty và tài liệu hồ sơ thu thập được, trong niên độ thanh tra, Công ty đã khai thác 826.318 tấn đá vôi (*bằng 90,72% công suất được phép khai thác*). Trữ lượng khoáng sản còn lại đến 31/12/2024 theo Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản số 33/BC-CFC-P1 ngày 21/01/2025: 6.883.197 tấn.

3.1.3. Mỏ đá vôi Thần Vi

Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2117/GP-BTNMT ngày 05/12/2012 cho phép Công ty xi măng Chín Đèn khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng bằng phương pháp lộ thiên đến cốt cao +3m thuộc khu vực Núi Thần Vi, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; diện tích khu vực khai thác là 274.000 m² (27,4 ha); trữ lượng địa chất: 30.150.000 tấn; trữ lượng khai thác: 26.126.178 tấn; công suất khai thác: 1.346.936 tấn/năm; thời gian khai thác: 22 năm kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm.

Theo báo cáo của Công ty và tài liệu thu thập được, trong niên độ 2023-2024, Công ty đã khai thác được 2.411.280 tấn đá vôi (*bằng 89,5% công suất được phép khai thác*).

3.1.4. Mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà)

Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 926/GP-BTNMT ngày 22/4/2016 (được điều chỉnh bởi Quyết định số 274/QĐ-BTNMT ngày 10/02/2022); khu vực cấp phép: Núi Trăn và Hang Vua, xã Minh Tân và thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; loại khoáng sản: đá sét làm nguyên liệu xi măng; phương pháp khai thác: lộ thiên; mức sâu khai thác: +0 m; diện tích khai thác: 739.600 m² (73,96 ha); trữ lượng địa chất: 12.247.010 tấn; trữ lượng khai thác: 11.137.952 tấn; trữ lượng khoáng sản đi kèm (điều chỉnh): đá cát kết, cát bột kết, phiến sét vôi: 3.280.600 tấn; đá

vôi: 751.050 tấn; thời hạn khai thác: 15 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; diện tích khai thác: 739.600m² (73,96 ha); công suất khai thác: đá sét: 768.000 tấn/ năm, khoáng sản đi kèm: 403.165 tấn/năm.

Theo báo cáo của Công ty và tài liệu thu thập được, trong niên độ thanh tra, Công ty đã khai thác được 947.451 tấn đá sét xi măng (*bằng 61,68% công suất được phép khai thác*) và 332.902 tấn đá cát kết (*bằng 41,28% công suất được phép khai thác*). (*Chi tiết tại Phụ lục 02*)

Nhận xét, đánh giá: Qua thanh tra cho thấy, Công ty đã có Giấy phép khai thác khoáng sản của 04 khu mỏ; Công ty thực hiện khai thác khoáng sản sau khi được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Khoáng sản năm 2010; thực hiện khai thác theo quy định, không vượt quá sản lượng theo Giấy phép được cấp.

3.2. Việc cấm mốc giới khu vực được cấp phép khai thác

3.2.1. Mỏ đá vôi Trảng Kênh

Ngày 10/10/1995, Công ty đã cùng với Sở Địa chính Hải Phòng phối hợp UBND huyện Thuỷ Nguyên, thị trấn Minh Đức và các ngành chức năng lập biên bản giao mốc chỉ giới mỏ đá vôi thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Công ty đã thực hiện việc cấm mốc ranh giới khu vực khai thác, lập Sổ quản lý mốc ranh giới khu vực khai thác theo giấy phép đã được cấp phép gồm 23 mốc. Kiểm tra xác suất 03/23 mốc (ký hiệu CFC 16; CFC 17; CFC 20) tại thực địa khu vực được phép khai thác cho thấy, các mốc được đổ xi măng, có đánh số thứ tự, quy cách đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2.2. Mỏ đá vôi Chín Đền

Ngày 04/10/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND huyện Thuỷ Nguyên, thị trấn Minh Đức có biên bản bàn giao đất ngoài thực địa cho Công ty thuê để thực hiện dự án xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi núi Chín Đền lộ thiên làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

Công ty đã thực hiện việc cấm mốc ranh giới khu vực khai thác gồm 25 mốc, lập Sổ quản lý mốc ranh giới khu vực khai thác theo giấy phép đã được cấp phép. Kiểm tra xác suất 06/25 mốc (ký hiệu CFC 05; CFC 06; CFC 17; CFC 24; CFC 25; CFC 27) tại thực địa khu vực được phép khai thác cho thấy, các mốc được đổ xi măng, có đánh số thứ tự, quy cách đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2.3. Mỏ đá vôi Thần Vi

Ngày 16/12/2013, Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các ngành chức năng, UBND huyện Thuỷ Nguyên, thị trấn Minh Đức kiểm tra, xác định, bàn giao mốc giới ngoài thực địa khu vực cấp phép khai thác khoáng sản tại mỏ đá vôi núi Thần Vi, thị trấn Minh Đức, huyện Thuỷ Nguyên cho Công ty.

Công ty đã thực hiện việc cấm mốc ranh giới khu vực khai thác gồm 09 mốc, lập Sổ quản lý mốc ranh giới khu vực khai thác theo giấy phép đã được cấp phép.

Kiểm tra xác suất 04/09 mốc (ký hiệu MI; MII; MIII; MV) tại thực địa khu vực được phép khai thác cho thấy: cột mốc được đổ xi măng, có đánh số thứ tự, ký hiệu, quy cách theo quy định tại Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3.2.4. Mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà)

Ngày 10/10/1995, Sở Địa chính Hải Phòng phối hợp UBND huyện Thủy Nguyên, thị trấn Minh Đức và các ngành chức năng đã có biên bản xác định chỉ giới mỏ Sét để Công ty Xi măng Chinfon Hải Phòng xin giấy phép khai thác mỏ.

Công ty đã thực hiện việc cắm mốc ranh giới khu vực khai thác, lập sổ quản lý mốc ranh giới khu vực khai thác. Kiểm tra xác suất 05/26 mốc (ký hiệu: CFC 04; CFC 05; CFC 18; CFC 19; CFC 20) tại thực địa khu vực được phép khai thác cho thấy, các mốc kiểm tra được đổ bê tông, quy cách theo quy định.

Ngày 16/01/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) phối hợp với chính quyền địa phương đã kiểm tra việc cắm mốc ranh giới khu vực khai thác đối với mỏ đá vôi Tràng Kênh và mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua do Công ty đang quản lý (theo Báo cáo số 347/BC-SNNMT ngày 06/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường).

Nhận xét, đánh giá: Qua thanh tra cho thấy: Công ty đã thực hiện cắm mốc các điểm khếp góc khu vực khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; các cột mốc được đổ bê tông, quy cách theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 48/2014/TT-BTNMT ngày 22/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về xác định đường địa giới hành chính, cắm mốc địa giới và lập hồ sơ địa giới hành chính các cấp.

3.3. Thiết kế mỏ

3.3.1. Mỏ đá vôi Tràng Kênh

Công ty đã lập hồ sơ thiết kế mỏ gửi Sở Xây dựng thẩm định theo quy định, cụ thể: Văn bản thẩm định: số 930/SXD-QLVLXD ngày 20/5/2015; số 4068/SX-KTVL ngày 01/12/2017, số 2767/SXD-KTVL ngày 12/7/2022. Ngày 18/12/2023, Công ty có Quyết định số 511/2023/QĐ-P1 phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công (điều chỉnh) công trình khai thác các mỏ đá vôi Tràng Kênh tại thị trấn Minh Đức và xã Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng và đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Văn bản số 5246/SXD-KTVL ngày 05/10/2023.

Công ty đã nộp hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng¹⁴.

3.3.2. Mỏ đá vôi Chín Đền

Công ty đã có Quyết định số 26/QĐ-P1 ngày 01/6/2016 về việc phê duyệt hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công xây dựng cơ bản và khai thác mỏ đá vôi Chín Đền

¹⁴ Công văn số 05/CV-P1 ngày 09/01/2018 của Công ty về việc nộp lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản; Công văn số 513/2023CV-P1 ngày 18/12/2023 của Công ty về việc nộp hồ sơ thiết kế mỏ (điều chỉnh) theo Quyết định số 274/QĐ-BTNMT ngày 10/02/2022 và Quyết định số 3199/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

(điều chỉnh), thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; Công ty đã được Sở Xây dựng thẩm định và thông báo kết quả thẩm định tại Công văn số 798/SXD-QLHĐXD ngày 27/4/2016 về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở (điều chỉnh) dự án đầu tư xây dựng công trình lộ thiên khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại mỏ đá vôi Chín Đền, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Công ty đã nộp hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng¹⁵.

3.3.3. Mỏ đá vôi Thần Vi

Công ty đã lập và phê duyệt thiết kế mỏ tại Quyết định số 10/QĐ-P1 ngày 30/6/2014 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công xây dựng cơ bản mỏ, khai thác và tổng dự toán công trình xây dựng cơ bản mỏ mỏ đá vôi Thần Vi; Quyết định số 51/QĐ-P1 ngày 23/8/2017 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung thiết kế bản vẽ thi công xây dựng cơ bản và khai thác mỏ đá vôi Thần Vi, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; được Sở Xây dựng thẩm định đủ điều kiện phê duyệt và điều chỉnh thiết kế cơ sở, bổ sung các thông số kỹ thuật nổ mìn (Văn bản số 30/SXD-QLHĐXD ngày 05/4/2011, Công văn số 1377/SXD-QLVLXD ngày 13/7/2015);

Công ty đã nộp hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng¹⁶.

3.3.4. Mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà)

Công ty đã có Quyết định số 02/QĐ-P1 ngày 03/01/2018 về việc phê duyệt thiết kế thi công và dự toán xây dựng công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá sét núi Trăn (Đồng Hang, Đá Năn và Triệu Cao) và Hang Vua (suối Bà) tại xã Minh Tân và thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên; Quyết định số 512/QĐ-P1 ngày 18/12/2023 về việc phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công (điều chỉnh) Công trình xây dựng cơ bản và khai thác mỏ đá sét núi Trăn (Đồng Hang, Đá Năn và Triệu Cao) và Hang Vua (suối Bà) tại khu vực thị trấn Minh Đức và xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên.

Công ty đã nộp hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương và Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng¹⁷.

Nhận xét, đánh giá: Kết quả thanh tra cho thấy, Công ty đã lập, trình ban hành các Quyết định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công và gửi hồ sơ thiết kế mỏ; được Sở Xây dựng thẩm định, ban hành các Quyết định phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi

¹⁵ Công văn số 134/CV-P1 ngày 21/6/2016 của Công ty về việc nộp lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản

¹⁶ Công văn số 131/CV-P1 ngày 10/7/2014 của Công ty về việc giao nộp thiết kế kỹ thuật thi công XDCB và khai thác mỏ đá vôi Thần Vi tại TT Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng

¹⁷ Công văn số 05/CV-P1 ngày 09/01/2018 của Công ty về việc nộp lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản; Công văn số 513/2023CV-P1 ngày 18/12/2023 của Công ty về việc nộp hồ sơ thiết kế mỏ (điều chỉnh) theo Quyết định số 274/QĐ-BTNMT ngày 10/02/2022 và Quyết định số 3199/QĐ-BTNMT ngày 18/12/2023 của Bộ tài nguyên và Môi trường

công, đối với các mỏ. Sở Xây dựng, Sở Công Thương đã có các văn bản thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công gửi Công ty theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 31/11/2016 của Bộ Công Thương.

3.4. Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác

Công ty đã có các Thông báo về việc đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ và ngày bắt đầu khai thác mỏ đối với mỏ đá vôi Chín Đèn¹⁸; mỏ đá vôi Thần Vi¹⁹ gửi Tổng cục địa chất và Khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường (đối với mỏ đá vôi Trảng Kênh và mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua đã hoạt động trước thời điểm có quy định về đăng ký xây dựng cơ bản mỏ).

Nhận xét, đánh giá: Công ty đã thực hiện việc đăng ký ngày bắt đầu xây dựng mỏ, ngày bắt đầu khai thác theo quy định tại Khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản năm 2010.

3.5. Về việc bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ

3.5.1. Mỏ đá vôi Trảng Kênh

Công ty đã có Quyết định số 122/2021/QĐ-P1 ngày 04/5/2021 bổ nhiệm ông Mạc Văn Chiến, Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên làm Giám đốc điều hành mỏ. Ông Mạc Văn Chiến có Bằng kỹ sư khai thác lộ thiên do Trường Đại học Mỏ - Địa chất cấp ngày 12/10/1993 (số hiệu bằng: A 88504) và có kinh nghiệm khai thác thực tế tại mỏ trên 03 năm. Công ty đã có Công văn số 121/2021/CV- P1 ngày 04/5/2021 gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường về việc bổ nhiệm Giám đốc mỏ.

3.5.2. Mỏ đá vôi Chín Đèn

Công ty đã có Quyết định số 25/QĐ-P1 ngày 31/5/2016 bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Đạt, làm Giám đốc điều hành mỏ; có Công văn số 106/CV- P1 ngày 31/5/2016 gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường về đăng ký chức danh Giám đốc điều hành mỏ.

3.5.3. Mỏ đá vôi Thần Vi

Công ty đã có Quyết định số 30/2020/QĐ-P1 ngày 07/4/2020 bổ nhiệm ông Hoàng Gia Thương, kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên làm giám đốc điều hành mỏ; thông báo bằng văn về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng (Công văn số 70/2020/CV-P1 ngày 07/4/2020) theo quy định. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có văn bản về việc bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đối với ông Hoàng Gia Thương là phù hợp với quy định²⁰.

3.5.4. Mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà)

Công ty đã ban hành Quyết định số 29/2020/QĐ-P1 ngày 07/4/2020 bổ nhiệm ông Đào Văn Nam, Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên làm Giám đốc điều hành

18 Công văn số 40/CV-P1 ngày 18/5/2008 của Công ty về việc đăng ký ngày xây dựng cơ bản mỏ và ngày bắt đầu khai thác mỏ đá vôi Chín Đèn.

19 Công văn số 205/CV-P1 ngày 11/5/2015 của Công ty về việc đăng ký ngày xây dựng cơ bản mỏ và ngày bắt đầu khai thác mỏ đá vôi Thần Vi.

20 Công văn số 1121/ĐCKS-KSMB ngày 05/5/2020 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ



mỏ; đã có Công văn số 69/2020/CV-P1 ngày 07/4/2020 gửi Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và Sở Tài nguyên và Môi trường về trình độ chuyên môn, năng lực của Giám đốc điều hành mỏ.

Nhận xét, đánh giá: Công ty thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ và đã cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc bổ nhiệm giám đốc điều hành mỏ của công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Khoáng sản năm 2010.

3.6. Việc lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được cấp phép các năm 2023 và năm 2024

Công ty đã lập bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác khoáng sản định kỳ 06 tháng/lần. Bản đồ hiện trạng, bản vẽ mặt cắt được gửi tới Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam và được lưu trữ theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Khoáng sản năm 2010 và khoản 2 Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

3.7. Việc quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp

3.7.1. Mỏ đá vôi Trảng Kênh

Công ty đã được Cục Kỹ thuật và An toàn Công nghiệp cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp số 65/GP-ATMT ngày 27/8/2021 (thời hạn Giấy phép đến ngày 30/9/2026). Công ty đã lập phương án nổ mìn và nộp Báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp (VLNCN) theo quy định (Báo cáo số 07/BC-CFC-P1 ngày 03/01/2025) gửi Sở Công Thương; Công ty đã có Thông báo về sử dụng VLNCN: Công ty đã có Thông báo số 498/2021/CV-P1 ngày 08/9/2021 gửi Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng VLNCN; Có hộ chiếu khoan nổ mìn và thường xuyên tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN cho các đối tượng liên quan đến sử dụng VLNCN; có hợp đồng²¹ với 02 đơn vị được phép kinh doanh để cung cấp VLNCN phục vụ khai thác đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

Công ty đã xây dựng kho VLNCN, đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; có đầy đủ biển cấm, biển báo, chỉ dẫn các quy định liên quan đến công tác an toàn, phòng cháy, chữa cháy và được trang bị đầy đủ phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ. Công ty đã được Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 267/TD-PCCC ngày 27/12/2016; Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy số 17/KĐ-CSPCCC-TT2 ngày 02/02/2018; được Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH

²¹ Hợp đồng số CFC-24-003 ngày 21/12/2023 với Tổng công ty Kinh tế kỹ thuật công nghiệp quốc Phòng và Hợp đồng số CFC-24-002 ngày 21/12/2023 với Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Quảng Ninh

cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự số 442/GCN ngày 19/10/2023.

3.7.2. Mỏ đá vôi Chín Đèn

Công ty đã ký Hợp đồng số CFC-19-015 ngày 24/01/2019 với Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lộc về việc khai thác, bốc xúc và chuyển giao đá vôi; Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lộc đã được Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường Công nghiệp cấp Giấy phép dịch vụ nổ mìn số 55/GP-ATMT ngày 29/12/2022 (thời hạn Giấy phép đến ngày 17/12/2024) và Giấy phép dịch vụ nổ mìn số 64/GP-ATMT ngày 29/11/2024. Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lộc đã có Quyết định số 08/QĐ-HL ngày 20/02/2019 về việc bổ nhiệm ông Phạm Gia Tuấn giữ chức vụ chỉ huy nổ mìn tại công trường khai thác vôi Chín Đèn; Thông báo số 924/2022/TB-HL ngày 20/12/2022 gửi Ủy ban nhân dân thành phố về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; lập Phương án khoan nổ mìn vào tháng 01/2019; có hộ chiếu từng đợt nổ và huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN cho các đối tượng liên quan đến sử dụng VLNCN; lập và nộp báo cáo²² định kỳ sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định gửi Sở Công Thương.

Trong năm 2023, Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lộc đã được đoàn kiểm tra liên ngành của thành phố theo Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 kiểm tra, kết quả Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lộc đã chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý, vận chuyển và sử dụng VLNCN để thực hiện dịch vụ nổ mìn.

3.7.3. Mỏ đá vôi Thần Vi

Công ty đã ký hợp đồng khai thác, bốc xúc, nghiền vận chuyển và giao đá vôi với Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng (Hợp đồng số CFC-19-016 ngày 24/01/2019). Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng đã được Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp cấp Giấy phép dịch vụ nổ mìn số 51/GP-ATMT ngày 03/11/2022, thời hạn Giấy phép đến ngày 11/12/2024; Giấy phép dịch vụ nổ mìn số 63/GP-ATMT ngày 12/11/2024, thời hạn Giấy phép đến ngày 11/12/2026. Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng có Quyết định số 29/QĐ-TGD ngày 20/6/2022 về việc bổ nhiệm cán bộ chỉ huy nổ mìn, theo đó ông Hoàng Đình Trường được bổ nhiệm chỉ huy nổ mìn tại mỏ đá vôi Thần Vi; lập phương án khoan nổ mìn, hộ chiếu khoan nổ mìn; huấn luyện kỹ thuật an toàn VLNCN cho các đối tượng liên quan đến sử dụng VLNCN; lập và nộp báo cáo²³ định kỳ sử dụng VLNCN về Sở Công Thương theo quy định.

3.7.4. Mỏ đá sét núi Trăn và Hang Vua (suối Bà)

Công ty không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để khai thác khoáng sản (phương pháp khai thác là bốc xúc).

Nhận xét, đánh giá: Công ty đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 18/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công

²² các Báo cáo số: 379/2024/BC-HL ngày 03/01/2024 và 973/2025/BC-HL ngày 02/01/2025 của Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Lộc

²³ các Báo cáo số: 02/BC-CT ngày 03/01/2024 và 81/BC-CT ngày 31/12/2024 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



nghiệp và tiền chất thuốc nổ, Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

3.8. Về việc thực hiện báo cáo định kỳ

- Về khai thác khoáng sản: Công ty đã lập và nộp báo cáo định kỳ²⁴ năm 2023 và 2024 kèm theo Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản hàng năm gửi về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng.

- Về bảo vệ môi trường: Công ty đã lập và gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường²⁵ năm 2023, 2024 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nhận xét, đánh giá: Công ty đã thực hiện việc lập và nộp các báo cáo định kỳ về khoáng sản và bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và khoản 1 Điều 119 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 66, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Được Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận tại Báo cáo số 347/BC-SNNMT ngày 06/9/2025 về việc chấp hành pháp luật lĩnh vực hoạt động khai thác khoáng sản của Công ty Xi măng Chinfon.

3.9. Về thăm dò nâng cấp, bổ sung trữ lượng khoáng sản

Trong niên độ 2023 - 2024, các mỏ khoáng sản của Công ty không có hoạt động thăm dò nâng cấp, bổ sung trữ lượng khoáng sản.

3.10. Về quản lý sản lượng, bảo vệ khoáng sản khu vực được cấp phép

Qua kiểm tra thực tế, Công ty đã lắp đặt trạm cân, hệ thống camera giám sát để theo dõi, lưu trữ thông tin, theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai (theo Hộ chiếu nổ mìn), khối lượng khoáng sản đưa vào chế biến và khối lượng khoáng sản tiêu thụ. Số liệu được ghi chép, thống kê hàng ngày vào sổ theo dõi lập sổ quyết toán sản lượng khai thác và tiêu thụ, sổ theo dõi sản lượng qua trạm cân; khoáng sản sau khai thác được sử dụng đúng mục đích (nghiên làm nguyên liệu sản xuất xi măng). Theo báo cáo của UBND phường Bạch Đằng, trong niên độ thanh tra, các khu vực mỏ khoáng sản do Công ty quản lý, không có tình trạng trộm cắp, khai thác khoáng sản trái phép²⁶.

Theo quy định tại khoản 7 Điều Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024, trước ngày 01/01/2030, các tổ chức, cá nhân có giấy phép khai thác khoáng sản phải thực hiện vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã có Công văn số 4675/SNNMT-KSBĐ ngày 31/7/2025 hướng dẫn về giám sát khoáng sản tự động. Công ty đã chủ động liên hệ các đơn vị lắp hệ thống camera truyền dữ liệu về Sở

²⁴ các Báo cáo số: 25/BC-CFC-P1 ngày 31/01/2024 và số 32/BC-CFC-P1 ngày 21/01/2025 (kèm theo Báo cáo thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản hàng năm số 28/BC-CFC-P1 ngày 21/01/2025 và số 33/BC-CFC-P1 ngày 21/01/2025)

²⁵ Báo cáo số 13/BC-CFC-G6 ngày 12/01/2024 và Báo cáo số 21/BC-CFC-G6 ngày 13/01/2025

²⁶ Biên bản làm việc ngày 09/10/2025 giữa Đoàn Thanh tra với UBND phường Bạch Đằng

Nông nghiệp và Môi trường. Nội dung này đã được Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận tại buổi làm việc với Đoàn Thanh tra ngày 09/10/2025.

Nhận xét, đánh giá: Công ty đã thực hiện việc lắp đặt trạm cân, camera giám sát tại các kho chứa để lưu trữ thông tin, số liệu liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản năm 2010.

3.11. Về an toàn, vệ sinh lao động

Công ty đã có hợp đồng dịch vụ số CFC-24-092 ngày 22/5/2024 với Công ty TNHH MTV Tư vấn và Kiểm định an toàn Việt Nam (được Bộ Lao động - Thương binh và xã hội cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động số 85/2020/GCN cấp ngày 24/11/2020 có thời hạn đến 06/02/2025) về việc tổ chức khoá huấn luyện và chứng nhận an toàn vệ sinh lao động cho cho các đối tượng: cán bộ quản lý (nhóm 1), cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về an toàn, vệ sinh lao động, người trực tiếp giám sát về an toàn vệ sinh lao động tại nơi làm việc (nhóm 2) người làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động (nhóm 3), người làm công tác y tế cơ sở lao động (nhóm 5).

Công ty đã xây dựng Kế hoạch an toàn vệ sinh lao động năm 2023 và năm 2024. Trong niên độ thanh tra, Công ty đã có báo cáo định kỳ về công tác an toàn vệ sinh lao động²⁷ gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nhận xét, đánh giá: Công ty đã thực hiện các quy định về an toàn vệ sinh lao động trong lĩnh vực khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 57, Luật Khoáng sản năm 2010.

3.12. Về việc thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi có khoáng sản được khai thác

Theo báo cáo của Công ty, Công ty đã ký hợp đồng đối với khoảng 610 lao động là người tại các địa phương có mỏ khoáng sản do Công ty quản lý, khai thác.

Công ty đã thực hiện việc hỗ trợ xây dựng hạ tầng kỹ thuật (xây dựng đường nông thôn, cầu cống, chiếu sáng,...), dọn vệ sinh, hỗ trợ tổ chức Lễ hội truyền thống Nữ tướng Lê chân, Ủng hộ Quỹ vì người nghèo (do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố phát động); hỗ trợ dự án Camera an ninh (UBND thị trấn Minh Đức), tặng quà Tết cho người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam (xã Gia Đức, Minh Tân, thị trấn Minh Đức)... với tổng số tiền là 2.572.298.548 đồng.

Nhận xét, đánh giá: Công ty đã thực hiện trách nhiệm đối với địa phương và người dân nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Khoáng sản năm 2010, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi có khoáng sản được khai thác.

Tuy nhiên, Công ty chưa xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện công việc, các hạng mục công trình hỗ trợ đến UBND cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

²⁷ Báo cáo số 07/BC-CFC-G6 ngày 08/01/2024 và Báo cáo số 19/BC-CFC-G6 ngày 08/01/2025 của Công ty Xi măng Chínfon

4. Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính

Trong niên độ thanh tra, Công ty đã thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan đến lĩnh vực khoáng sản như sau:

4.1. Tiền thuê đất

Căn cứ Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng 05 năm (2020-2024); Phụ lục số 7.14, Bảng 7 bảng giá đất ở, đất thương mại, dịch vụ tại đô thị, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ tại đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh cục bộ giá đất tại một số vị trí tuyến đường trong bảng giá các loại đất 05 năm (2020-2024) trên địa bàn thành phố; tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất tại Điều 3 Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng trên địa bàn thành phố Hải Phòng (đối với đất sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản, tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất hàng năm là 3%); các Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng²⁸ cho Công ty thuê đất và các Thông báo về đơn giá thuê đất, tiền thuê đất²⁹ của Cục Thuế thành phố Hải Phòng, trong niên độ thanh tra, số tiền Công ty phải nộp là 66.165.628.500 đồng.

Tuy nhiên, Công ty được miễn giảm tiền thuê đất theo các Quyết định số: 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19; số 25/2023/QĐ-TTg ngày 03/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ giảm tiền thuê đất và nộp thừa năm 2022 chuyển sang là 10.618.750.700 đồng nên số tiền Công ty còn phải nộp là 55.546.875.405 đồng (*Năm mươi lăm tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm linh lăm đồng*), Công ty đã nộp đủ và được Cục Thuế thành phố Hải Phòng xác nhận³⁰ (*Chi tiết tại phụ lục 03 kèm theo*).

4.2. Tiền thuế tài nguyên

Trong niên độ thanh tra, Công ty đã khai thác được 8.191.055 tấn khoáng sản chính (đá vôi là 7.243.604 tấn, đá sét là 947.451 tấn) và 1.005.346 tấn khoáng sản đi kèm (đá vôi Đá vôi dolomit: 672.444 tấn, đá cát kết: 332.902 tấn).

Qua kiểm tra cho thấy, Công ty đã áp dụng Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên; Nghị quyết số 1084/2015/UBTVQH13 ngày 10/12/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành biểu mức thuế suất thuế tài nguyên (mức thuế áp dụng đối với đá nung vôi và sản xuất xi măng là 10%); Quyết định số 42/2021/QĐ-UBND ngày

28 Các Hợp đồng: số 113/HĐ-TĐ ngày 08/11/2007; số 95/HĐ-TĐ ngày 25/12/2018; số 70 ngày 20/6/2017; số 69 ngày 20/6/2017; số 81/HĐ-TĐ ngày 29/12/2016; số 46/HĐ-TĐ ngày 18/6/2018; số 21/HĐ-TĐ ngày 21/3/2024; số 133 ngày 19/8/2014; Quyết định số 4551/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022

29 Các Thông báo số: 1495/TB-CTHPH ngày 29/4/2021; 3622/TB-CTHPH ngày 30/9/2021; 4747/TB-CTHPH ngày 17/11/2022; 5279/TB-CTHPH ngày 20/12/2022; 4170/TB-CTHPH ngày 28/9/2023; 5302/TB-CTHPH ngày 25/12/2023; 716/TB-CTHPH ngày 03/3/2023; 771/TB-CTHPH ngày 03/3/2023

30 Thông báo số 1951/TB-CTHPH-KDT ngày 06/02/2024 và Thông báo số 779/TB-CTHPH-KDT ngày 14/01/2025, Công văn số 54/HPH-QLDN5 ngày 10/7/2025 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng về việc tham gia ý kiến về đề nghị gia hạn sử dụng đất đối với Công ty

20/12/2021 của UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng (giá tính thuế tài nguyên đối với Đá vôi sản xuất xi măng là 125.000 đồng/m³, 80.000 đồng đối với đá sét và đá cát kết là 50.000 đồng/m³).

Căn cứ sản lượng khoáng sản khai thác, hệ số quy đổi³¹ theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ, thể trọng tự nhiên³², giá tính thuế tài nguyên và thuế suất, số tiền thuế tài nguyên Công ty phải nộp trong niên độ thanh tra là 62.006.689.310 đồng (*Sáu mươi hai tỷ không trăm linh sáu triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn ba trăm mười đồng*), Công ty đã nộp và được Thuế thành phố Hải Phòng xác nhận không còn nợ tiền thuế tài nguyên (*Chi tiết tại phụ lục 04 kèm theo*).

4.3. Tiền cấp quyền khai thác

Theo các Quyết định³³ của Bộ Tài nguyên và Môi trường số tiền cấp quyền khai thác Công ty phải nộp số tiền 35.800.236.000 đồng (*Ba mươi lăm tỷ tám trăm triệu hai ba mươi sáu nghìn đồng*). Công ty đã nộp đủ số tiền trên về Cục thuế thành phố Hải Phòng³⁴ (*Chi tiết tại phụ lục 05 kèm theo*).

4.4. Tiền ký Quỹ bảo vệ môi trường

Theo Thông báo của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam³⁵, tổng số tiền ký quỹ bảo vệ môi trường Công ty phải nộp trong niên độ thanh tra là 2.471.248.000 đồng (*Hai tỷ bốn trăm bảy mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng*). Công ty đã thực hiện xong việc nộp tiền và Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xác nhận³⁶ (*Chi tiết tại phụ lục 06 kèm theo*).

4.5. Tiền phí bảo vệ môi trường

Trong niên độ thanh tra, Công ty đã khai thác được 8.191.054 tấn khoáng sản chính (đá vôi là 7.243.603 tấn, đá sét là 947.451 tấn) và 1.005.346 tấn khoáng sản đi kèm (đá vôi Đá vôi dolomit: 672.444 tấn, đá cát kết: 332.902 tấn).

Qua kiểm tra cho thấy, Công ty đã áp dụng mức phí tương ứng của khoáng sản khai thác tại Phụ lục 2 Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố về việc quy định một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền HĐND thành phố trên địa bàn thành phố Hải Phòng (*mức phí bảo vệ môi trường đối với đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng (latent, puzolan...) là 3.000 đồng/tấn*), hệ số (*đối với khai thác lộ thiên: K = 1,1*), phương pháp tính

31 Hệ số nở rời của đá vôi xi măng Hn: 1,475; hệ số nở rời của đất sét Hn: 1,29 (Bảng C.1 Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4447:2012)

32 Mô đá vôi Trảng Kênh là 2,62; mô Chín Đèn, Thần Vi: 2,63, mô Núi Trăn, Hang Vua: 1,87 (theo Quyết định số 211/QĐ-HĐ ngày 25/02/1993 của Hội đồng Xét duyệt trữ lượng khoáng sản về việc phê chuẩn Báo cáo địa chất kết quả thăm dò ti mi mô đá vôi xi măng - Trảng Kênh - Hải Phòng)

33 Các Quyết định của của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 1354/QĐ-BTNMT ngày 17/6/2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá sét núi Trăn và Hang Vua, Quyết định số 275/QĐ-BTNMT ngày 10/02/2022 về việc phê duyệt (bổ sung) tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản đi kèm (gồm đá kết, cát bột kết, phiến sét vôi và đá vôi) làm nguyên liệu xi măng tại khu vực núi Trăn (Đông Hang, Đá Năn, Triệu Cao) và Hang Vua (Suối Bà); Quyết định số 1353/QĐ-BTNMT ngày 17/6/2016 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi khu vực Trảng Kênh, Quyết định số 3200/QĐ-BTNMT ngày 21/11/2022 về việc điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi khu vực Trảng Kênh; Quyết định số 09/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2015 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khu vực Chín Đèn; Quyết định số 2229/QĐ-BTNMT ngày 09/10/2014 về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khu vực núi Thần Vi.

34 Thông báo số 1951/TB-CTHPH-KDT ngày 06/02/2024 và Thông báo số 779/TB-CTHPH-KDT ngày 14/01/2025 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng

35 Thông báo số 249/QBVM-TT ngày 10/01/2023 và các Thông báo: số 277/QBVM-TT, số 278/QBVM-TT ngày 11/01/2023 ngày 10/01/2023

36 Giấy xác nhận số 803/QBVM-TT-KQ, số 804/QBVM-TT-KQ, 805/QBVM-TT-KQ ngày 10/4/2023; số 1129/QBVM-TT-KQ ngày 13/8/2012; số 559/QBVM-TT-KQ số 560/QBVM-TT-KQ, số 561/QBVM-TT-KQ của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam xác nhận ký quỹ phục hồi, cải tạo môi trường

phí bảo vệ môi trường tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 được thay thế bởi Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Căn cứ sản lượng khoáng sản khai thác, hệ số và phương pháp tính phí³⁷ và mức phí bảo vệ môi trường đối với đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng do thành phố quy định, số tiền phí bảo vệ môi trường Công ty phải nộp trong niên độ thanh tra là 30.348.120.393 đồng (*Ba mươi tỷ ba trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn ba trăm chín mươi ba đồng*), Công ty đã nộp đủ và được Thuế thành phố Hải Phòng xác nhận Công ty không còn nợ tiền phí bảo vệ môi trường (*Chi tiết tại phụ lục 07 kèm theo*).

Nhận xét, đánh giá: Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định, đến thời điểm thanh tra, Công ty không nợ nghĩa vụ tài chính theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản năm 2010.

5. Về đóng cửa mỏ

Theo Giấy phép khai thác khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, các mỏ khoáng sản của Công ty đang trong giai đoạn khai thác, chưa đến hạn phải thực hiện thủ tục đóng cửa mỏ theo quy định tại Điều 74 Luật Khoáng sản năm 2010.

6. Kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán liên quan tới lĩnh vực khoáng sản, bảo vệ môi trường, giải quyết đơn thư đối với Công ty trong khai thác khoáng sản trong niên độ thanh tra

- Các cuộc thanh tra, kiểm tra: Trong niên độ thanh tra, Công ty đã được Bộ Công Thương, Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường), Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra. Cụ thể:

(1) Đoàn kiểm tra của Bộ Công Thương theo Quyết định số 2348/QĐ-BCT ngày 07/9/2023 về việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật liệu nổ công nghiệp;

(2) Đoàn kiểm tra của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 363/QĐ-KSONMT Ngày 12/06/2024, về việc kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

(3) Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng theo Quyết định số 450/QĐ-STNMT ngày 06/11/2023 về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty.

Các cuộc kiểm tra cho thấy, Công ty đã chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản theo quy định.

- Về công tác giải quyết đơn thư, kiến nghị, phản ánh: theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND phường Bạch Đằng, trong niên độ thanh tra không phát sinh các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đối với Công ty.

37 Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác lộ thiên là $k = 1,1$ (khoản 1 Điều 5 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 nay là khoản 1 Điều 7 Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023)

III. KẾT LUẬN

1. Đối với Công ty

1.1. Ưu điểm

- Về đất đai: Công ty đã có hồ sơ đất đai của khu nhà máy và 04 khu mỏ theo quy định; các khu đất sử dụng ổn định, đúng mục đích và không có tranh chấp, lấn chiếm.

- Về môi trường: Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty đã có Giấy phép môi trường; báo cáo đánh giá tác động môi trường/Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường cho khu nhà máy và 04 khu mỏ; Công ty đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống xử lý nước thải, hồ lắng, kho chứa các loại chất thải và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý; Công ty đã thực hiện quan trắc và lắp đặt quan trắc tự động truyền dữ liệu và nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

- Về khoáng sản: Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản tại các mỏ do Công ty quản lý, khai thác; Công ty đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 55 Luật Khoáng sản năm 2010, như: đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ, năng lực và thâm niên công tác; tiến hành khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản và thiết kế mỏ được phê duyệt; xây dựng trạm cân, bố trí trang thiết bị để kiểm soát, giám sát sản lượng khoáng sản khai thác; lập và nộp các báo cáo định kỳ về khoáng sản, an toàn vệ sinh lao động cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; thực hiện lập phương án nổ mìn, hộ chiếu nổ mìn, tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp; Công ty đã thực hiện cắm mốc giới khu vực được phép khai thác, không có trình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

- Công ty đã chủ động liên hệ với các đơn vị và Sở Nông nghiệp và Môi trường để được hướng dẫn lắp đặt hệ thống camera thông minh, truyền dữ liệu tới hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024, khoản 7 Điều 58 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản.

- Công ty đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính về đất đai và nghĩa vụ tài chính trong hoạt động khai thác khoáng sản như: đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, phí bảo vệ môi trường và thực hiện việc an sinh xã hội, trách nhiệm với địa phương và cộng đồng dân cư nơi có khoáng sản được khai thác.



1.2. Tồn tại, hạn chế và trách nhiệm

- *Về đất đai*: Công ty chưa thực hiện đăng ký biến động đất đai, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với khu vực nhà máy (sau khi bị thu hồi 1 phần diện tích đất 2.661m² để thực hiện dự án mở rộng đường Minh Đức), chưa đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 (nay là Điều 133 Luật Đất đai năm 2024).

- *Về thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng nơi có khoáng sản được khai thác*: Công ty chưa xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện công việc, các hạng mục công trình hỗ trợ đến UBND cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Trách nhiệm thuộc về Công ty Xi măng Chinfon.

2. Về trách nhiệm của các sở, ngành

2.1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường)

Chưa kịp thời kiểm tra, hướng dẫn Công ty thực hiện đăng ký biến động về đất đai theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013 (nay là Điều 133 Luật Đất đai năm 2024).

Trách nhiệm thuộc về: Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường).

2.2. Đối với Sở Xây dựng

Chưa kịp thời triển khai kiểm tra việc thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác khoáng sản đối với Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND thành phố ban hành Quy chế phối hợp về quản lý hoạt động khai thác khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng, được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND thành phố.

Trách nhiệm thuộc về: Sở Xây dựng (giai đoạn từ 01/01/2023 đến 31/12/2024).

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG: Không.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Căn cứ Luật thanh tra năm 2025, Nghị định số 216/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra. Chánh Thanh tra thành phố kiến nghị:

1. Đối với Công ty Xi măng Chinfon

- Nghiêm túc chấp hành và khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế đã nêu tại mục 1.2 phần III.

- Liên hệ với Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai đối với khu vực Nhà máy sản xuất xi măng theo Điều 133 Luật Đất đai năm 2024; liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hướng

dẫn hoàn thiện hồ sơ làm thủ tục thuê đất đối với diện tích 19,7 ha tại mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua; thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai theo Điều 205 Luật Đất đai năm 2024.

- Hoàn thiện hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường đối với mỏ đá sét Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà) và mỏ đá vôi Chín Đèn theo Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tổ chức trồng bổ sung cây xanh tại các khu mỏ đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ việc cải tạo phục hồi môi trường theo Điều 67 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 37 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

- Bảo vệ khoáng sản trong phạm vi ranh giới khu vực được phép khai thác khoáng sản phần diện tích 197.237,50 m² chưa được UBND thành phố cho thuê đất (tại khu mỏ Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà)); thực hiện kiểm soát sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trước khi vận chuyển ra khỏi khu khai thác khoáng sản; đầu tư, lắp đặt và vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu về hoạt động khoáng sản và kết nối với hệ thống thông tin, dữ liệu với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo điểm h khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

- Thực hiện vệ sinh lao động và kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản theo Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; phun nước giảm bụi không để ảnh hưởng đến môi trường khu vực, đặc biệt trong mùa hanh, khô; xây dựng kế hoạch, chương trình thực hiện công việc, các hạng mục công trình hỗ trợ chính quyền địa phương theo quy định.

Trong quá trình khai thác khoáng sản phải thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Địa chất và Khoáng sản năm 2024.

2. Đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường

Hướng dẫn Công ty thực hiện đăng ký biến động đất đai đối với khu vực Nhà máy sản xuất xi măng theo Điều 133 Luật Đất đai năm 2024; hướng dẫn hoàn thiện thủ tục thuê đất đối với diện tích 197.237,50 m² (tại khu mỏ Núi Trăn và Hang Vua (Suối Bà)). Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai của Công ty trong hoạt động khoáng sản theo quy định tại Điều 205 Luật Đất đai năm 2024.

Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về khoáng sản, đất đai và môi trường; chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền địa phương tăng cường kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Đối với Sở Xây dựng

Thực hiện việc hướng dẫn các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động trong hoạt



động khai thác khoáng sản (nhóm II); tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với tồn tại, hạn chế (được nêu tại mục 2.2 phần III của Kết luận).

4. Đối với UBND phường Bạch Đằng

Phối hợp với các ngành chức năng quản lý, giám sát hoạt động khoáng sản trên địa bàn; thực hiện việc thu hồi khoáng sản, các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và Khoáng sản.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản đối với Công ty Xi măng Chinfon; Giao Phòng giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra (Nghịệp vụ 11) theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra. *X*

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Các Sở: NN&MT, XD;
- TTTP: CTT; các PCTTra
- Vũ Duy Ninh, Vũ Anh Thư;
- UBND P. Bạch Đằng;
- Công ty Xi măng Chinfon;
- Phòng NV11, VP;
- Lưu: VT, HSĐTTTr (PNV9) *xe*

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Vũ Duy Ninh

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 10/KL-TTTP ngày 27/11/2025 của Thanh tra thành phố)



Phụ lục 01: ĐẤT ĐAI

Số TT	Tên mô	Quyết định cho thuê đất	HD thuê đất	GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Diện tích (m ²)	Thời hạn sử dụng đất	Mục đích sử dụng đất	Ghi chú
1	Tràng Kênh				1.558,026,40			
1.1	Khu Bắc mô Tràng Kênh	Số 3409/QĐ-UBND ngày 13/12/2017	Số 95/HD-TD ngày 25/12/2018	CQ 604943 ngày 03/5/2019	610.215,2	ngày 22/04/2040	Khai thác đá sản xuất xi măng	
1.2	Khu Nam mô Tràng Kênh	Số 2230/QĐ-UBND ngày 22/12/2010	Số 70 ngày 20/6/2017	CK 926997 ngày 04/9/2018	475.313	23 năm (từ ngày 31/12/2008)	Khai thác đá với làm vật liệu sản xuất xi măng	
1.3	Khu Kho VLNCN	Số 4551/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	Số 30/HD-TD ngày 25/4/2024	DO 820991 ngày 25 tháng 4 năm 2024	472.498,2	đến ngày 22/04/2040	Khai thác đá với sản xuất xi măng	
2	Chín Đèn	Số 1410/QĐ-UBND ngày 12/9/2011	Số 69 ngày 20/6/2017	BB 538506 ngày 26/12/2011	229.647,7	đến ngày 26/9/2038	Khai thác đá với sản xuất xi măng	
3	Thần Vi	Số 524/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	Số 81/HD-TD ngày 29/12/2016	CH 866687 ngày 09/10/2017	547.086,9	05/12/2034	Khai thác đá với sản xuất xi măng	
4	Núi Trăn, Hang Vua (Suối Bà)				542.362,50			
4.1	Khu Đồng Hang, Đá Năn	Số 3822/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	Số 21/HD-TD ngày 21/3/2024	BP 423995 ngày 31/12/2013	139.549,6	04/4/2031	Khai thác đá sét sản xuất xi măng	
4.2	Khu Triệu Cao	Số 410/QĐ-UBND ngày 17/02/2014	Số 133 ngày 19/8/2014	BU 367159 ngày 19/8/2014	176.178,9	06/02/2026	Khai thác đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng	
4.3	Khu Suối Bà	Số 380/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	Số 05/HD-TD ngày 19/3/2025	AA 02211103 ngày 07/5/2025	226.634,0	04/4/2031	Khai thác đá sét sản xuất xi măng	
5	Khu vực nhà máy	Số 301/TTg ngày 21/6/1993; Số 1224/QĐ-UBND ngày 17/7/1999; Số 3552/QĐ-UBND ngày 12/12/2001; Số 1468/QĐ-UBND ngày 25/6/2002		CH 866873 ngày 30/05/2017	850.000	đến ngày 21/12/2042	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (Xây dựng nhà máy sản xuất xi măng)	
6	Khu vực cầu cảng	Số Quyết định số 1004/QĐ-UBND ngày 12/6/2007	67/HD-TD ngày 06/06/2013 (thay thế HD 113/HD ngày 08/11/2007)	T00460 ngày 08/11/2007	6.944,4	47 năm từ ngày 12/6/2007	xây dựng mở rộng cầu cảng nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất dây chuyền II	

Handwritten signature/initials.



PHỤ LỤC 02: KHỐI LƯỢNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 59/KL-TTTP ngày 23/11/2025 của Thanh tra thành phố)

Số TT	Tên mỏ	Giấy phép khai thác	Loại khoáng sản	Trữ lượng được phép khai thác (tấn)	Công suất (tấn/năm)	Sản lượng khai thác theo báo cáo của Công ty		Sản lượng khai thác KS nộp thuế (tấn/năm)		Sản lượng khai thác KS theo báo cáo gửi Sở NNMT (tấn/năm)		Ghi chú
						Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	
1	Tràng Kênh	Số 925/GP-BTNMT ngày 22/4/2016 (điều chỉnh bởi Quyết định số 3199/QĐ-BTNMT ngày 21/11/2022)	Đá vôi xi măng	59.975.000	- Năm 1-5: 3.045.000 - Năm 6-22: 2.198.000 - Năm 23: 3.545.000 - Năm 24: 3.839.000	1.828.787	2.177.218	1.828.787	2.177.218	1.828.787	2.177.218	
			Đá vôi dolomit (KSDK)	3.775.320 Điều chỉnh: 10.015.320	157.305 Điều chỉnh: 504.305	178.481	493.963	178.481	493.963	178.481	493.963	
2	Chín Đèn	Số 1885/GP-BTNMT ngày 26/9/2008	Đá vôi xi măng	13.206.600	455.400	376.636	449.682	376.636	449.682	376.636	449.682	
3	Thần Vi	Số 2117/GP-BTNMT ngày 05/12/2012	Đá vôi xi măng	26.126.178	1.346.936	1.247.884	1.163.396	1.247.884	1.163.396	1.247.884	1.163.396	
4	Núi Trăn, Hang Vua (Suối Bà)	Số 926/GP-BTNMT ngày 22/04/2016 (điều chỉnh bởi Quyết định số 274/QĐ-BTNMT ngày 10/02/2022)	Đá sét xi măng			510.555	436.896	510.555	436.896	510.555	436.896	
			Đá cát kết (KSDK)	11.137.952	768.000	185.016	147.886	185.016	147.886	185.016	147.886	

Handwritten signature

Phụ lục 05: TIỀN THUẾ ĐẤT NĂM 2023
(Kèm theo Kết luận Thanh tra số 59/KL-TTTP ngày 27 tháng 4 năm 2025 của Thanh tra thành phố)

ĐVT: đồng

TT	Tên mô	Mục đích	Căn cứ nộp tiền thuế đất		Diện tích đất (m2)	Số tiền phải nộp năm 2023	Số tiền nộp thiếu năm 2022 chuyển sang	Số tiền được miễn giảm 30% năm 2022 theo QĐ 01/2023/QĐ-TTg ngày 31/01/2023	Số tiền được miễn giảm 30% năm 2023 (QĐ số 25/2023/QĐ-TTg)	Số tiền thực tế phải nộp năm 2023	Số tiền đã nộp năm 2023	Số tiền còn phải nộp năm 2023	Số tiền nộp thừa năm 2023 chuyển sang năm 2024	Ghi chú
			HD thuế đất (QĐ thuế đất)	Thông báo tiền thuế đất										
1	Tràng Kinh	Khai thác đá với sản xuất xi măng	Số 95/HD-TĐ ngày 25/12/2018	Số 150/TB-CCT ngày 12/01/2024; số 4147/TB-CTHPH ngày 17/11/2022	610.215,2	6.590.324.160	-393.080.000	679.932.375	1.977.097.248	3.540.214.537	3.295.162.080	245.052.457	0	Số tiền phải nộp còn thiếu đã nộp năm 2024
			Số 70 ngày 20/6/2017	Số 150/TB-CCT ngày 12/01/2024; số 1495/TB-CTHPH ngày 29/4/20211	475.313,0	5.133.380.000	0	1.540.014.000	1.540.014.000	2.053.352.000	2.566.690.000	-513.338.000	0	
			QB số 4531/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	Số 1495/TB-CCT ngày 28/3/2024; số 771/TB-CTHPH ngày 05/3/2021	472.498,2	10.799.962.000	0	0	3.239.988.600	7.559.973.400	7.600.000.000	0	-40.026.600	TB 2084/TB-CCT ngày 10/4/2024 số thuế nộp thừa năm 2023 chuyển sang năm 2024
			Tổng		1.558.026,4	22.523.666.160	-393.080.000	2.219.946.375	6.757.099.848	13.153.539.937	13.461.852.080	-268.285.543	0	Số tiền 40.026.600 đồng chưa tính vào số tiền phải nộp năm 2023 Theo 150/TB-CCT ngày 12/01/2024
2	Chín Dền	Khai thác đá với sản xuất xi măng	Số 69 ngày 20/6/2017	Số 150/TB-CCT ngày 12/01/2024; số 3622/TB-CTHPH ngày 30/9/2021	229.647,7	2.480.195.000	0	744.058.500	744.058.500	992.078.000	1.240.097.500	-248.019.500	0	

3	Thần Vi	Khai thác đá vôi sản xuất xi măng	Số 81/HD-TĐ ngày 29/12/2016.	Số 150/TB-CCT ngày 12/01/2024; số 4170/TB- CTHPH ngày 28/9/2023	547.086,9	5.324.211.000	3.993.158.250	1.197.947.475	1.597.263.300	6.522.158.475	6.522.158.475	0	0	
4	Núi Trăn, Hang Vua	Khai thác đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng	Số 46/HD-TĐ ngày 18/6/2018; Số 21/HD-TĐ ngày 21/3/2024	Số 150/TB-CCT ngày 12/01/2024; số 5302/TB- CTHPH ngày 25/12/2023	139.549,6	1.496.208.333	-89.893.000	128.525.100	0	1.277.790.233	753.568.000	524.222.233	0	Số tiền phải nộp còn thiếu đã nộp năm 2024
			Số 133 ngày 19 /8/2014	Số 150/TB-CCT ngày 12/01/2024; số 716/TB-CTHPH ngày 03/3/2023	176.178,9	1.263.503.000	232.913.000	94.762.800	379.051.200	1.022.602.000	631.751.500	390.850.500	0	Số tiền phải nộp còn thiếu đã nộp năm 2024
			Tổng		315.728,5	2.759.711.333	143.020.000	223.287.900	379.051.200	2.300.392.233	1.385.319.500	915.072.733	0	
5	Cảng	Dự án mở rộng cầu cảng nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất dây chuyền II	Số 113/HD-TĐ ngày 08/11/2007	Số 150/TB-CCT ngày 12/01/2024; số 5279/TB- CTHPH ngày 20/12/2022	6.944,4	22.348.000	0	5.322.000	6.704.400	10.321.600	17.026.000	-6.704.400	0	
6	Khu vực nhà máy		Không thu tiền thuê đất			0					0	0		
		Tổng cộng (1+2+3+4+5)			2.657.433,9	33.110.131.493	3.743.098.250	4.390.562.250	9.484.177.248	22.978.490.245	22.626.453.555	392.063.290	-40.026.600	Số tiền 392.063.290 đồng phải nộp còn thiếu đã nộp năm 2024

✓

Phụ lục 03: TIỀN THUẾ ĐẤT NĂM 2024
(Kèm theo Kết luận Thanh tra số 59/KL-TTTP ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thanh tra thành phố)

ĐVT: đồng

TT	Tên mô	Mục đích	Căn cứ nộp tiền thuế đất		Diện tích đất (m2)	Số tiền phải nộp năm 2024	Số tiền nộp thừa năm 2023 chuyển sang	Số tiền được miễn giảm 30% năm 2023 (QĐ số 25/2023/QĐ-TTg)	Tổng số tiền đã nộp	Số còn nợ	Số tiền nộp thiếu năm 2023 chuyển sang năm 2024	Ghi chú
			HD thuế đất (QĐ thuế đất)	Thông báo tiền thuế đất								
1	Tràng Kênh	Khai thác đá vôi sản xuất xi măng	Số 95/HĐ-TĐ ngày 25/12/2018	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	610.215,2	6.590.324.160	0	0	6.590.324.160	0		
			Số 70 ngày 20/6/2017	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	475.313,0	5.133.380.000	0	0	5.133.380.000	0		
			QĐ số 4551/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	Số 771/TB-CTPH ngày 05/3/2024	472.498,2	10.799.962.000	40.026.600	0	10.759.935.400	0		TB 2084/TB-CCT ngày 10/4/2024 số thuế nộp thừa năm 2023 chuyển sang năm 2024
			Tổng		1.558.026,4	22.523.666.160	40.026.600	0	22.483.639.560	0		
			Khai thác đá vôi sản xuất xi măng	Số 69 ngày 20/6/2017	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	229.647,7	2.480.195.000	0	2.480.195.000	0		
2	Chín Đèn											
3	Thần Vi	Khai thác đá vôi sản xuất xi măng	Số 81/HĐ-TĐ ngày 29/12/2016.	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	547.086,9	5.324.211.000	0	0	5.324.211.000	0		
4	Núi Trăn, Hang Vua	Khai thác đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng	Số 46/HĐ-TĐ ngày 18/6/2018;	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	139.549,6	1.441.570.000	54.638.000	432.471.000	954.461.000	0		Số tiền nộp thừa năm 2023 là 54.638.000 đ theo TB số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024
			Số 133 ngày 19/8/2014	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	176.178,9	1.263.504.000	0	0	1.263.504.000	0		
			Tổng		315.728,5	2.705.074.000	54.638.000	432.471.000	2.217.965.000	0		
5	Cảng	Dự án mở rộng cầu cảng nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất dây chuyên II	Số 113/HĐ-TĐ ngày 08/11/2007	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	6.944,4	22.348.000	0	0	22.348.000	0		
6	Khu vực nhà máy	Không thu tiền thuế đất				0	0	0	0	0		
Tổng cộng (1+2+3+4+5)					2.657.433,9	33.055.494.160	94.664.600	432.471.000	32.528.358.560	0	392.063.290	

ban

ĐVT: đồng

TT	Tên mô	Mục đích	Căn cứ nộp tiền thuế đất		Diện tích đất (m2)	Số tiền phải nộp năm 2024	Số tiền nộp thừa năm 2023 chuyển sang	Số tiền được miễn giảm 30% năm 2023 (QĐ số 25/2023/QĐ-TTg)	Tổng số tiền đã nộp	Số còn nợ	Số tiền nộp thiếu năm 2023 chuyển sang năm 2024	Ghi chú
			HD thuế đất (QĐ thuế đất)	Thông báo tiền thuế đất								
1	Tràng Kênh	Khai thác đá với sản xuất xi măng	Số 95/HD-TĐ ngày 25/12/2018	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	610.215,2	6.590.324.160	0	0	6.590.324.160	0		
			Số 70 ngày 20/6/2017	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	475.313,0	5.133.380.000	0	0	5.133.380.000	0		
			QĐ số 4551/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	Số 771/TB-CTHPH ngày 05/3/2024	472.498,2	10.799.962.000	40.026.600	0	10.759.935.400	0		TB 2084/TB-CCT ngày 10/4/2024 số thuế nộp thừa năm 2023 chuyển sang năm 2024
			Tổng		1.558.026,4	22.523.666.160	40.026.600	0	22.483.639.560	0		
			Khai thác đá với sản xuất xi măng	Số 69 ngày 20/6/2017	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	229.647,7	2.480.195.000	0	2.480.195.000	0		
2	Chín Đèn											
3	Thần Vi	Khai thác đá với sản xuất xi măng	Số 81/HD-TĐ ngày 29/12/2016.	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	547.086,9	5.324.211.000	0	0	5.324.211.000	0		
4	Núi Trăn, Hang Vua	Khai thác đá sét làm nguyên liệu sản xuất xi măng	Số 46/HD-TĐ ngày 18/6/2018;	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	139.549,6	1.441.570.000	54.638.000	432.471.000	954.461.000	0		Số tiền nộp thừa năm 2023 là 54.638.000 đ theo TB số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024
			Số 133 ngày 19/8/2014	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	176.178,9	1.263.504.000	0	0	1.263.504.000	0		
			Tổng		315.728,5	2.705.074.000	54.638.000	432.471.000	2.217.965.000	0		
5	Cảng	Dự án mở rộng cầu cảng nhập nguyên liệu phục vụ sản xuất dây chuyền II	Số 113/HD-TĐ ngày 08/11/2007	Số 7237/TB-CCT ngày 14/08/2024	6.944,4	22.348.000	0	0	22.348.000	0		
6	Khu vực nhà máy	Không thu tiền thuế đất				0	0	0	0	0		
Tổng cộng (1+2+3+4+5)					2.657.433,9	33.055.494.160	94.664.600	432.471.000	32.528.358.560	0	392.063.290	

ĐVT

Phụ lục 04: TIỀN THUẾ TẠI NGUYÊN

((Kèm theo Kết luận thanh tra số 39/KL-TTTP ngày 29/11/2025 của Thanh tra thành phố))



STT	Tên mỏ	Tên loại tài nguyên	Sản lượng khai thác (tấn)	Hệ số quy đổi (Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019)							Tích thuế tài nguyên (Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015)					Xác nhận của cơ quan Thuế
				Hn	D	Kqđ	Sản lượng khai thác (sau quy đổi) (m ³)	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên (đồng/m ³)	Thuế suất (%)	Thuế TN phát sinh phải nộp (đồng)						
(1)	(2)	(3)	(4a)	(5)	(6b)	(7) = (5) : (6b)	8 = (4a) x (7)	(9)	(10)	(11) = (8) x (9) x (10)						
1	Tràng Kênh	Đá vôi	4.006.005	1,475	2,62	0,563	2.255.381	125.000	10%	28.192.260.188	Công ty đã nộp đủ số tiền trên theo các Thông báo: số 1951/TB-CTHPH-KDT ngày 06/02/2024 và số 779/TB-CTHPH-KDT ngày 14/01/2025 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng					
		Đá vôi dolomit	672.444	1,475	2,62	0,563	378.586	125.000	10%	4.732.324.650						
2	Chín Đèn	Đá vôi	826.318	1,475	2,63	0,561	463.565	125.000	10%	5.794.556.939						
3	Thần Vi	Đá vôi	2.411.280	1,475	2,63	0,561	1.352.728	125.000	10%	16.909.104.086						
4	Núi Trăn, Hang Vua	Đá sét	947.451	1,29	1,87	0,690	653.741	80.000	10%	5.229.930.790						
		Đá cát kết	332.902				229.703	50.000	10%	1.148.512.659						
		Đá vôi	0													
Tổng											62.006.689.310					

17/01/2025

Phụ lục 05: TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC
(Kèm theo Kết luận thành tựu số 36/KL-VTTĐ ngày 25/11/2025 của Thanh tra thành phố)



ĐVT: đồng

TT	Tên mô	Căn cứ	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp	Ghi chú
I	NĂM 2023		19.148.107.096	19.148.107.096	
1	Tràng Kênh	Quyết định số 1353/QĐ-BTNMT ngày 17/6/2016	12.202.808.000	12.202.808.000	Công ty đã nộp đủ số tiền 19.148.107.096 đồng theo Thông báo số 1951/TB-CTHPH-KDT ngày 06/02/2024 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng
2	Chín Đèn	Quyết định số 09/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2015	1.091.365.000	1.091.365.000	
3	Thần Vi	Quyết định số 2229/QĐ-BTNMT ngày 09/10/2014	3.357.956.000	3.357.956.000	
4	Núi Trăn, Hang Vua (Suối Bà)	Quyết định số 1354/QĐ-BTNMT ngày 17/6/2016	2.495.978.096	2.495.978.096	Công ty đã nộp đủ số tiền 16.652.129.000 đồng theo Thông báo số 779/TB-CTHPH-KDT ngày 14/01/2025 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng
II	NĂM 2024		16.652.129.000	16.652.129.000	
1	Tràng Kênh	Quyết định số 1353/QĐ-BTNMT ngày 17/6/2016	12.202.808.000	12.202.808.000	
2	Chín Đèn	Quyết định số 09/QĐ-BTNMT ngày 06/01/2015	1.091.365.000	1.091.365.000	Công ty đã nộp đủ số tiền 16.652.129.000 đồng theo Thông báo số 779/TB-CTHPH-KDT ngày 14/01/2025 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng
3	Thần Vi	Quyết định số 2229/QĐ-BTNMT ngày 09/10/2014	3.357.956.000	3.357.956.000	
4	Núi Trăn, Hang Vua (Suối Bà)	Quyết định số 1354/QĐ-BTNMT ngày 17/6/2016	đã nộp xong	đã nộp xong	
Tổng năm 2023, 2024			35.800.236.096	35.800.236.096	

1m

Phụ lục 06: TIỀN KÝ QUỸ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Kê luận thành tra số 59/KK-TTĐ ngày 27/11/2025 của Thanh tra thành phố)



ĐVT: đồng

TT	Tên mô	Căn cứ	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp	Xác nhận Quỹ BVMT VN	Ghi chú
I	NĂM 2023		1.248.179.000	1.248.179.000	1.248.179.000	
1	Tràng Kênh	Giấy XN Số 1129/QBVMT-KQ ngày 13/8/2012				Đã nộp đủ 1 lần năm 2012
2	Chín Đèn	Giấy XN Số 804/QBVMT-KQ ngày 10/4/2023	196.408.000	196.408.000	196.408.000	Đã nộp lần thứ 12
3	Thần Vi	Giấy XN Số 805/QBVMT-KQ ngày 10/4/2023	277.712.000	277.712.000	277.712.000	Đã nộp lần thứ 12
4	Núi Trăn, Hang Vua (Suối Bà)	Giấy XN Số 803/QBVMT-KQ ngày 10/4/2023	774.059.000	774.059.000	774.059.000	Đã nộp lần thứ 12
II	NĂM 2024		1.223.069.000	1.223.069.000	1.223.069.000	
1	Tràng Kênh	Giấy XN Số 1129/QBVMT-KQ ngày 13/8/2012				Đã nộp đủ 1 lần năm 2012
2	Chín Đèn	Giấy XN Số 560/QBVMT-KQ ngày 14/3/2024	108.193.000	108.193.000	108.193.000	Đã nộp lần thứ 13
3	Thần Vi	Giấy XN Số 561/QBVMT-KQ ngày 14/3/2024	294.374.000	294.374.000	294.374.000	Đã nộp lần thứ 13
4	Núi Trăn, Hang Vua (Suối Bà)	Giấy XN Số 559/QBVMT-KQ ngày 14/3/2024	820.502.000	820.502.000	820.502.000	Đã nộp lần thứ 13
	Cộng năm 2023, 2024		2.471.248.000	2.471.248.000	2.471.248.000	

Vân



Phụ lục 07: THẺ PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Kết luận thanh tra số 89/KL-TTTP ngày 29/11/2025 của Thanh tra thành phố)

STT	Tên mỏ	Tên loại tài nguyên	Phương pháp tính phí bảo vệ môi trường					Xác nhận của CQT
			Sản lượng khai thác (tấn)	Mức thu phí tương ứng của khoáng sản khai thác (đồng)	Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác (Khai thác lộ thiên)	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản phải nộp (đồng)		
(1)	(2)	(3)	(Q2)	(f2)	(K)	(F) = (Q2) x (f2) x (K)		
1	Tràng Kênh	Đá vôi	4.006.005	3.000	1,1	13.219.816.500	Công ty đã nộp đủ số tiền trên theo các Thông báo: số 1951/TB-CTHPH-KDT ngày 06/02/2024 và số 779/TB-CTHPH-KDT ngày 14/01/2025 của Cục Thuế thành phố Hải Phòng	
		Đá vôi dolomit	672.444	3.000	1,1	2.219.065.200		
		Đá vôi	826.318	3.000	1,1	2.726.849.400		
2	Chín Đèn	Đá vôi		3.000	1,1	7.957.224.000		
3	Thần Vi	Đá vôi	2.411.280	3.000	1,1	3.126.588.300		
4	Núi Trăn, Hang Vua	Đá sét	947.451	3.000	1,1	1.098.576.600		
		Đá cát kết	332.902	3.000	1,1			
		Đá vôi	0					
	Cộng					30.348.120.000		

100